

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **156 /2022/DS-PT**

Ngày: 12-8-2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Giang.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Bà Phạm Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp: “Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2022/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1955; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, ấp G, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Bửu L, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 25-6-2021). (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1980; (có mặt)

Ông Hà Văn H, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Cả hai ngụ địa chỉ: ấp G, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phạm Thị Thúy A, sinh năm 1988, địa chỉ: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh. (theo văn bản ủy quyền ngày 21-6-2022); (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: **Bà Phạm Thị Kim D – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hằng N, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1983; (vắng mặt)

+ Bà Cao Huyền T, sinh năm 1987; (có mặt)
 Cả hai cùng địa chỉ: ấp G, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh.
 Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hà Văn H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 10-01-2020, ông Nguyễn Văn N và vợ tên Huỳnh Thị A có chuyển nhượng cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hà Văn H diện tích 1.086,8 m² là một phần đất nằm trong diện tích đất 2.522,5 m², mục đích sử dụng LUK, thuộc thửa đất số 404, tờ bản đồ số 59, đất tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS04029 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 05-6-2018 cho vợ chồng cho ông Nguyễn Văn N. Giá chuyển nhượng thực tế là 840.000.000 đồng, theo giấy tay bán đất ngày 14-11-2019 và giấy trả tiền đất ngày 26-6-2020. Tuy nhiên, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ ghi giá chuyển nhượng là 450.000.000 đồng, mục đích để giảm tiền nộp thuế. Đất này có trồng cao su và trồng cau. Ông Nguyễn Văn N đã giao đất cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hà Văn H xong. Nay ông Nguyễn Văn N không tranh chấp diện tích đất đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hà Văn H.

Tính đến thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10-01-2020 thì bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hà Văn H đã giao cho ông Nguyễn Văn N số tiền 500.000.000 đồng, còn lại là 340.000.000 đồng hai bên thỏa thuận bằng miệng là tháng 4-2020 bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hà Văn H sẽ trả đủ tiền chuyển nhượng.

Đến tháng 4-2020, ông Nguyễn Văn N yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H trả tiền thì bà Nguyễn Thị Thu H trả lời chưa có tiền và hẹn đến tháng 6-2020 sẽ trả tiền. Đến tháng 6-2020, ông Nguyễn Văn N đến nhà bà Nguyễn Thị Thu H lấy tiền thì bà Nguyễn Thị Thu H trả lời đã trả đủ số tiền 340.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn N là con trai út của ông Nguyễn Văn N xong.

Nay ông Nguyễn Văn N yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hà Văn H trả số tiền 340.000.000 đồng. Bởi vì, vợ chồng ông Nguyễn Văn N không có ủy quyền cho ông Nguyễn Văn N nhận tiền chuyển nhượng đất. Mặt khác, vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hà Văn H không có thỏa thuận về việc bà Nguyễn Thị Thu H ông Hà Văn H giao 340.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn N.

Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Thừa nhận vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị A với giá 840.000.000 đồng. Bà đã trả cho ông Nguyễn Văn N 500.000.000 đồng, còn lại 340.000.000 đồng bà trả nhiều lần cho ông Nguyễn Văn N vì ông Nguyễn Văn N là con trai út của ông Nguyễn Văn N và đang sống chung nhà với ông Nguyễn Văn N.

Vợ chồng bà đã nhận đất và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06-02-2020, vợ chồng bà đang giữ bản chính, không thể chấp cho tổ chức, cá nhân nào.

Nay bà không đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 340.000.000 đồng

vì đã trả xong.

Ông Hà Văn H trình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thị Thu H, vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị A nhưng việc trả tiền do bà Nguyễn Thị Thu H thực hiện giao dịch. Tiền nhận chuyển nhượng đất là tài sản chung của vợ chồng ông.

Nay ông thống nhất cùng ý kiến với vợ là Nguyễn Thị Thu H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ông Nguyễn Thành H trình bày: Ông là con trai út của ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị A. Ông có vay tiền của bà Nguyễn Thị Thu H nhiều lần để chi phí cho sinh hoạt gia đình và không có khả năng trả nên bà Nguyễn Thị Thu H khấu trừ vào số tiền 340.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Thu H nợ tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn N. Nay ông không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án.

2/. Bà Cao Huyền T trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Thành H, bà có đưa cho ông Nguyễn Văn N số tiền 80.000.000 đồng trong tổng số tiền 340.000.000 đồng mà ông Nguyễn Thành H đã nhận của bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hà Văn H. Nay bà không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án.

3/. Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà là con của ông Nguyễn Văn N bà Huỳnh Thị A, hiện bà Huỳnh Thị A đã chết bà là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Huỳnh Thị A, bà không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án, việc tranh chấp do ông Nguyễn Văn N quyết định. Bà tự nguyện giao cho ông Nguyễn Văn N sở hữu toàn bộ số tiền mà bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hà Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2022/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, đã xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 401, 410, 421, 500 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167, 203 của Luật đất đai năm 2013, sửa đổi bổ sung năm 2018; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hà Văn H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hà Văn H trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 340.000.000 (ba trăm bốn mươi triệu) đồng.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Đ không tranh chấp số tiền 340.000.000 đồng với ông Nguyễn Văn N trong vụ án này.

Án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo.

Ngày 06-6-2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hà Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do: đã trả đủ tiền sang nhượng đất cho bên gia đình ông Nguyễn Văn N.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H giữ nguyên nội dung kháng cáo và cung cấp chứng cứ mới là “Giấy nhận tiền đất” do ông Nguyễn Thành H nhận vào ngày 07-12-2019 số tiền 50.000.000 đồng và giấy nhận tiền ngày 09-01-2020 số tiền là 250.000.000 đồng để chứng minh ông Nguyễn Thành H là con của nguyên đơn Nguyễn Văn N có nhận tiền trong số tiền 500.000.000 đồng tiền sang nhượng đất mà ông Nguyễn Văn N đồng ý nên bà tiếp tục giao nhiều lần với số tiền 340.000.000 đồng còn lại và đã trả đủ tiền sang nhượng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Trong giao dịch của ông Nguyễn Văn N với bà Nguyễn Thị Thu H ông Hà Văn H đều có ông Nguyễn Thành H tham gia, tức giao dịch thông qua con ruột, ông Nguyễn Văn N là người ký tên giấy tờ vì ông Nguyễn Văn N và bà Huỳnh Thị A là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông Nguyễn Thành H là con trai út của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Thu H tin tưởng nên cứ nghĩ giống như giao dịch số tiền 500.000.000 đồng nên đã giao tiếp số tiền 340.000.000 đồng còn lại làm nhiều lần cho ông Nguyễn Thành H. Ngày 26-6-2020 ông Nguyễn Văn N là người viết giấy tay xác nhận đã nhận đủ tiền và đi khởi kiện tại xã đối với ông Nguyễn Thành H bà Cao Huyền T, sau đó khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu H, phía bà Nguyễn Thị Thu H không quan tâm nội dung giấy tay viết gì chỉ thấy nhận đủ tiền nên ký tên.

Mặc khác, ông Nguyễn Thành H cho rằng đó là tiền mượn nhưng không cung cấp được chứng cứ thể hiện là tiền mượn, ngay từ thời gian bắt đầu giao dịch ông Nguyễn Thành H là người nhận tiền sang nhượng đất nên bà Nguyễn Thị Thu H ông Hà Văn H tiếp tục giao tiền cho ông Nguyễn Thành H là hợp lý. Đối với bà Cao Huyền T trình bày tại cấp phúc thẩm đều trái ngược với trình bày tại cấp sơ thẩm. Đề nghị căn cứ Điều 143 Bộ luật Dân sự không chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Văn N. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H ông Hà Văn H, sửa bản án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thu H và đại diện theo ủy quyền thống nhất lời trình bày của Luật sư không bổ sung phần tranh luận.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bác bỏ lời trình bày của Luật sư bảo vệ cho phía bị đơn và lời trình bày của bị đơn vì không có căn cứ. Tại biên bản hòa giải ngày 21-7-2020 tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh thì bà Cao Huyền T và ông Nguyễn Thành H xác định 340.000.000 đồng là tiền mượn không phải là tiền đất. Do đó, việc ông Nguyễn Văn N khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu H ông Hà Văn H yêu cầu trả 340.000.000 đồng tiền sang nhượng đất là có căn cứ. Vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H ông Hà Văn H thừa nhận có sang nhượng đất hẹn tháng 4-2020 trả tiền nhưng không trả, tại thời điểm này mới trả 500.000.000 đồng là chưa được $\frac{3}{4}$ giá trị hợp đồng là vi phạm hợp đồng lẽ ra yêu cầu hủy hợp đồng nhưng ông Nguyễn Văn N chỉ yêu cầu trả 340.000.000 đồng vì không có chuyển giao nghĩa vụ trả tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án.

+ Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Hà Văn H bà Nguyễn Thị Thu

H kháng cáo toàn bộ bản án, xét kháng cáo phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thành H nhận tiền của bà Nguyễn Thị Thu H ông Hà Văn H nhưng không báo cho ông Nguyễn Văn N. Bà Nguyễn Thị Thu H ông Hà Văn H nợ tiền của ông Nguyễn Văn N nhưng đưa cho ông Nguyễn Thành H là không có căn cứ.

Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Văn H, bà Nguyễn Thị Thu H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06-6-2022 bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hà Văn H có đơn kháng cáo, qua xem xét trình tự thủ tục kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Thu H, ông Hà Văn H thấy rằng:

[2.1] Tại cấp phúc thẩm bà Nguyễn Thị Thu H cung cấp tài liệu là tờ giấy viết tay do ông Nguyễn Thành H viết vào ngày 07-12-2019 có nhận là 50.000.000 đồng và ngày 09-01-2020 có nhận là 250.000.000 đồng, mục đích nộp chứng cứ trên là chứng minh ngay từ khi bắt đầu giao dịch thì ông Nguyễn Thành H là người nhận tiền trong số tiền 500.000.000 đồng. Đây là chứng cứ, tài liệu mới, nhưng qua xem xét tài liệu trên chỉ có ông Nguyễn Thành H viết và ký tên nhưng ông Nguyễn Thành H lại vắng mặt tại phiên tòa nên không tiến hành đối chất làm rõ được chứng cứ trên nên đây chỉ là tài liệu tham khảo.

[2.2] Xét về quá trình thực hiện giao dịch: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác nhận về quá trình giao nhận số tiền 500.000.000 đồng thì có mặt ông Nguyễn Thành H và bà Cao Huyền T, ông bà có đếm tiền và phía nguyên đơn không xác định được số tiền 500.000.000 đồng đã nhận vào những ngày nào, bao nhiêu lần, chỉ xác định đến ngày 10-01-2020 là nhận được 500.000.000 đồng. Xét thấy, theo giấy bán đất đề ngày 14-11-2019 do chính ông Nguyễn Văn N là người viết có nội dung đã ứng trước 200.000.000 đồng, đến tháng 12 -2019 nhận tiếp 200.000.000 đồng và tháng 4-2020 nhận hết số tiền còn lại 300.000.000 đồng, tuy nhiên giấy bán đất này là bán 10 mét ngang thành tiền 700.000.000 đồng, do không đủ diện tích đất để sang tên giấy tờ nên các bên thỏa thuận bằng miệng bán thêm 2 mét đất ngang thành tổng diện tích sang nhượng là ngang 12 mét, dài hết đất tổng tiền sang nhượng là 840.000.000 đồng, vấn đề này các bên đều trình bày thống nhất với nhau và đến 10-01-2020 các bên thực hiện công chứng hợp đồng sang nhượng đất và bà Nguyễn Thị Thu H ông Hà Văn H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06-02-2020. Mặt khác, theo giấy viết tay ngày 26-6-2020 chính ông Nguyễn Văn N viết (BL47) nội dung: “...có trả cho vợ chồng Nguyễn Thành H + Cao Huyền T ... số tiền 340.000.000 đồng. Như vậy, số tiền đã trả xong” tức ông Nguyễn Văn N đã xác định nghĩa vụ trả tiền sang nhượng đất của bà Nguyễn Thị Thu H ông Hà Văn H

đã xong, sau đó ông Nguyễn Văn N kiện vợ chồng con trai là ông Nguyễn Thành H và bà Cao Huyền T đến Ủy ban nhân dân xã H, huyện G (BL59) về số tiền 340.000.000 đồng này. Do đó theo giấy tay ông Nguyễn Văn N viết đã xác định nghĩa vụ trả tiền sang nhượng đất của bà Nguyễn Thị Thu H ông Hà Văn H đã xong, nên lời tranh luận của người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N trình bày tại phiên tòa phúc thẩm là không có cơ sở, từ đó việc khởi kiện của ông Nguyễn Văn N là không có căn cứ.

[3] Lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Đề nghị áp dụng Điều 143 Bộ luật Dân sự quy định về hậu quả của giao dịch dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện là không có căn cứ áp dụng trong vụ án này.

Từ nhận định trên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hà Văn H. Sửa bản án sơ thẩm.

[4] Án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên cần điều chỉnh án phí cho phù hợp.

Bà Nguyễn Thị Thu H ông Hà Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Thu H ông Hà Văn H. Ông Nguyễn Văn N là người cao tuổi được miễn tiền án phí dân sự theo Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự
Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hà Văn H.
Sửa bản án sơ thẩm

2. Căn cứ Điều 228; khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 401; Điều 410; Điều 421; Điều 500; Điều 502; Điều 503 của Bộ luật Dân sự; Điều 167; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đối với bà Nguyễn Thị Thu H và ông Hà Văn H về việc yêu cầu trả số 340.000.000 đồng (ba trăm, bốn mươi triệu).

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Đ không tranh chấp số tiền 340.000.000 đồng là tiền sang nhượng đất còn lại giữa ông Nguyễn Văn N bà Anh với bà Nguyễn Thị Thu H ông Hà Văn H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hà Văn H, bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hà Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Hà Văn H bà Nguyễn Thị Thu H 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024409 ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao Hà Nội (Vụ 2);
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Gò Dầu;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Giang